

1. Đăng ký tài khoản

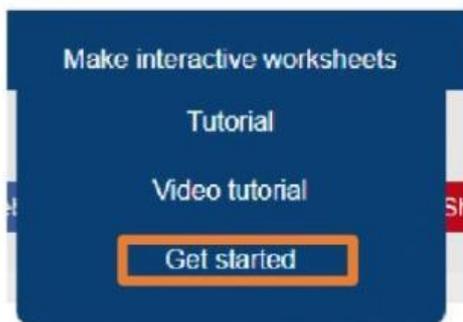
- Truy cập trang web: <https://www.liveworksheets.com/>



- Chọn **Make interactive worksheets**.

- Chọn **Get started**.

- Chọn **Register**.



- Điền thông tin tài khoản, sau đó chọn **Register**.

Required information:	Additional information (optional):
Username: <input type="text" value="chunando1"/>	Full name: <input type="text" value="Chu Nan Do"/>
Password: <input type="password" value="*****"/>	Facebook: <input type="text"/>
Repeat password: <input type="password" value="*****"/>	Twitter: <input type="text"/>
Email: <input type="text" value="doanpascal@gmail.com"/>	Instagram: <input type="text"/>
Repeat email: <input type="text" value="doanpascal@gmail.com"/>	Website or blog: <input type="text"/>
Country: <input type="text" value="Viet Nam"/>	Birth date: <input type="text" value="11"/> / <input type="text" value="11"/> / <input type="text" value="1111"/> e.g. (31/08/1990)
<input checked="" type="checkbox"/> I'm not a robot 	More about you: <input type="text"/>
<input checked="" type="checkbox"/> I've read and accept the Terms of use	
<input type="button" value="Register"/>	

 **LIVEWORKSHEETS**

 **LIVEWORKSHEETS**

- Đăng nhập vào mail đã đăng ký để kích hoạt tài khoản bằng cách kích vào link được nhận.



- Đăng nhập tài khoản.

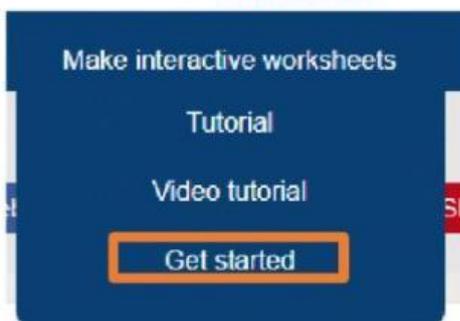
2. Tạo worksheets

* **Lưu ý:** worksheets chỉ được tạo với định dạng file PDF, ảnh (.pdf; .jpg; .png;...) nên thầy cô cần chuẩn bị trước nội dung ở các định dạng file này mới tải lên được hệ thống và thiết kế worksheets.

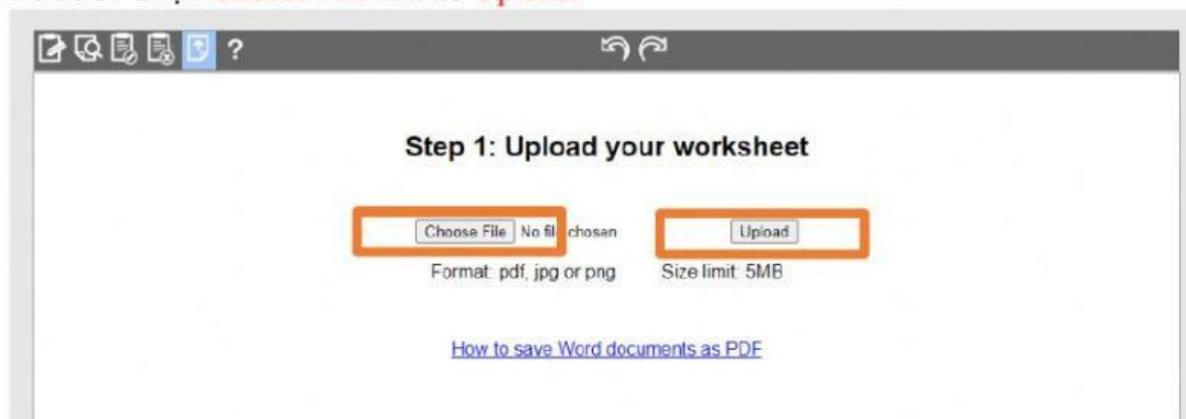
Bước 1: Chọn **Make interactive worksheets.**



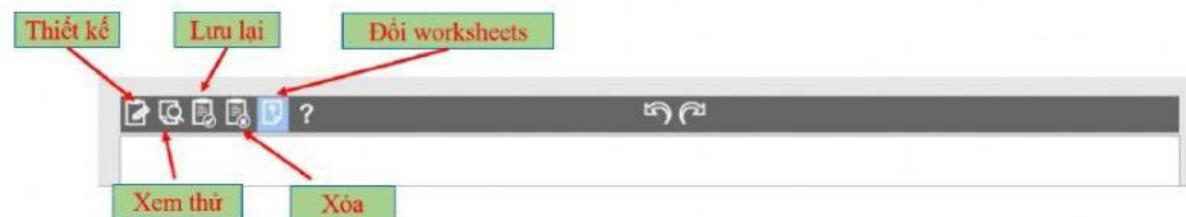
Bước 2: Chọn **Get started.**



Bước 3: Chọn **Choose File** sau đó **Upload**.



- Các tính năng khi thiết kế worksheets



3. Các loại tương tác và cách sử dụng tương ứng trong worksheets

***Lưu ý:** sử dụng chuột để vẽ khoanh vùng các đối tượng cần thao tác trên nền của file pdf, ảnh đã tải lên. Đây là thao tác bắt buộc để tạo tất cả các loại tương tác, mỗi loại tương tác khác nhau sẽ có cấu trúc sử dụng bên trong nơi đã khoanh vùng.

3.1 Kéo thả

Ví dụ kéo thả

Drag and drop

Cấu trúc

drag: a (ô đi chuyển) → **drop: a** (ô cần kéo đến)

drag: a được kéo đến vị trí **drop: a** thì được đáp án đúng

Lưu ý: Các ô đi chuyển và ô cần kéo đến phải cùng tên (a-a; 1-1;...) và một vị trí có thể nhận được nhiều ô kéo đến.

Kéo thả

3.2 Tích chọn

Ví dụ tích chọn

• Listen and tick :

<input checked="" type="checkbox"/> hop	<input type="checkbox"/> pin	<input type="checkbox"/> cub
<input type="checkbox"/> hope	<input checked="" type="checkbox"/> pine	<input type="checkbox"/> cube
<input checked="" type="checkbox"/> cut	<input type="checkbox"/> not	<input type="checkbox"/> plan
<input type="checkbox"/> cute	<input checked="" type="checkbox"/> note	<input type="checkbox"/> plane

Cấu trúc tick: yes (đáp án đúng) tick: no (đáp án sai)

Lưu ý: dấu tích sẽ hiện mỗi khi click vào tất cả các ô trống với cấu trúc tick.

Tích chọn

3.3 Điền khuyết

Ví dụ điền khuyết

Place Value

Name: _____ Date: _____

Write the number using the expanded form

Example: $800 + 40 + 9 = 849$

1) $700 + 50 + 6 =$ <input type="text"/>	2) $300 + 60 + 2 =$ <input type="text"/>
3) $400 + 90 + =$ <input type="text"/>	4) $80 + 5 =$ <input type="text"/>
5) $900 + 70 + 7 =$ <input type="text"/>	6) $800 + 30 + 4 =$ <input type="text"/>
7) $500 + 2 =$ <input type="text"/>	8) $600 + 10 + 3 =$ <input type="text"/>

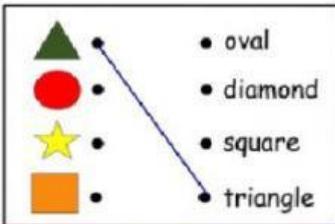
Cấu trúc Chỉ cần vẽ ô trống cho học đủ lớn cho học sinh ghi bài luận, điền khuyết.

Lưu ý: điền khuyết phải chấm tay, chủ yếu dành cho các bài tự luận.

Điền khuyết

3.4 Nói

Ví dụ nói



- oval
- diamond
- square
- triangle

Cấu trúc

join: a join: a

join: a được nói đến vị trí join: a thì được đáp án đúng

Lưu ý: Hai đối tượng nói đến nhau phải cùng tên và một đối tượng chỉ nói đến được một đối tượng khác.

Nói



3.5 Nghe tiếng Anh

Ví dụ nghe

LISTEN AND CHOOSE



Cấu trúc

listen(en-US): + word

Ngay sau listen(en-US): là từ cần phát âm để cho học sinh nghe.

Lưu ý: + Với các bài nghe, bài hát,... thì dùng cấu trúc **playmp3**: +link bài nghe, bài hát.
+ Có thêm biểu tượng loa để học sinh để nhìn hơn.

Nghe tiếng Anh



3.6 Đáp án từ Menu

Ví dụ số đáp án

Total	\$	-
You pay for your feed with \$15.00. How much change do you get back?	\$	10.50
	\$	10.26
	\$	10.25

Cấu trúc **choose:** Đáp án 1/Đáp án 2/*Đáp án 3

Lưu ý: Các đáp án phân cách nhau bởi dấu / và dấu * sẽ đứng trước đáp án đúng.



Đáp án từ Menu



3.7 Trắc nghiệm

Ví dụ trắc nghiệm

1 Choose the correct item.			
1 "Does Angela live in Liverpool?" "Yes, she"			
A does live	B lives	C is living	D does
2 they got home, John had already left.			
A By when	B Until the time	C As soon as	D By the time

Cấu trúc **slect:yes** (đáp án đúng) **slect:no** (đáp án sai)

Lưu ý: + Biên soạn sẵn câu hỏi trắc nghiệm và đáp án sau đó chuyển sang pdf.
+ Vẽ ô lên từng đáp án.
+ Nên để sẵn file đã có đáp án đúng để tạo ô nhanh hơn, sau khi hoàn thành ta tải file mới không có đáp án lên (các ô tương tác đã tạo vẫn được lưu, không bị xóa đi).



Trắc nghiệm



3.8 Chèn Video

Ví dụ video



Cấu trúc **link: +đường dẫn**

Lưu ý: + Nếu muốn xem trực tiếp trên trang, không chuyển sang Youtube thì tạo ô trống đủ lớn để chứa video sau đó copy link Youtube để học sinh vừa xem video vừa xem được yêu cầu của bài.
+ Cấu trúc **link**: cũng có thể chèn cho các liên kết đến trang tùy chọn.

Video

3.9 Một số lưu ý

Các lưu ý

Lưu ý: + Các dạng tương tác cần kết hợp với nhau để tạo thành một bài tập phù hợp cho học sinh.
+ File thiết kế nên lưu cả ở dạng có thể chỉnh sửa (word, powerpoint,...) và pdf để khi cần sửa sẽ dễ dàng
+ Có thể tìm các bài mẫu, bản có sẵn và lưu về sử dụng (tìm bằng tên tiếng anh sẽ có nhiều và đa dạng hơn.

3.10 Lưu bài và giao cho học sinh

- Sau khi ấn lưu bài, điền các thông tin về Worksheet thầy cô sẽ thực hiện giao bài cho học sinh. Để việc làm bài, nhập tên lớp của học sinh đơn giản, thầy cô hãy chọn **Custom link** để thực hiện các cài đặt cơ bản cho Worksheet.

Link to this worksheet: <https://www.liveworksheets.com/om24436> Copy **Custom link**

- Sau đó thầy cô điền và chọn các mục phù hợp yêu cầu bài làm của học sinh.

Phân biệt chữ hoa – chữ thường, dấu chấm – dấu phẩy	Gửi đáp án sau khi hoàn thành	Bài làm tính điểm hoặc không	 Giao bài    
<p>Checking options</p> <input type="checkbox"/> Ignore punctuation marks <input checked="" type="checkbox"/> Ignore capital letters <input type="checkbox"/> Ignore accents <p>Thời gian làm bài</p> <p>Time limit:</p> <input type="checkbox"/> Set time limit: <input type="text" value="60"/> min. <p>Link available:</p> <p>From: <input type="text"/></p> <p>To: <input type="text"/></p> <p>Ngày làm bài</p>	<p>Default action on click FINISH:</p> <input type="checkbox"/> Check answers <input checked="" type="checkbox"/> Send answers to the teacher <input type="checkbox"/> Ask student <p>Prefill values:</p> <p>Student name: <input type="text"/></p> <p>Grade/level: <input type="text"/></p> <p>School subject: <input type="text"/></p> <input checked="" type="checkbox"/> Send answers to my mail box <p><small>If you prefill the group and the subject, the student will only have to enter his/her name and click SEND. If you prefill all the values, the answers will be automatically sent to your mail box when the student clicks FINISH.</small></p> <p>Điền sẵn các thông tin về lớp, trường để học sinh chỉ cần điền tên khi làm bài</p>	<p>Grading options</p> <input checked="" type="checkbox"/> Show grades without decimals (E.g. 7) <input type="checkbox"/> Show grades with decimals (E.g. 7.4) <input type="checkbox"/> Don't show grades <p>Max. score: <input type="text" value="50"/></p> <input checked="" type="checkbox"/> Show errors (right answers in green and wrong answers in red) <input type="checkbox"/> Show right answers after checking the exercise (the student can see the right answers by placing the cursor over the boxes) <p><small>These options are only for the student. The teacher will always receive the exercises completed with the corresponding score.</small></p> <p>Cho xem đáp án sai - đúng</p>	

- Sau đó copy link đã custom và gửi cho học sinh.

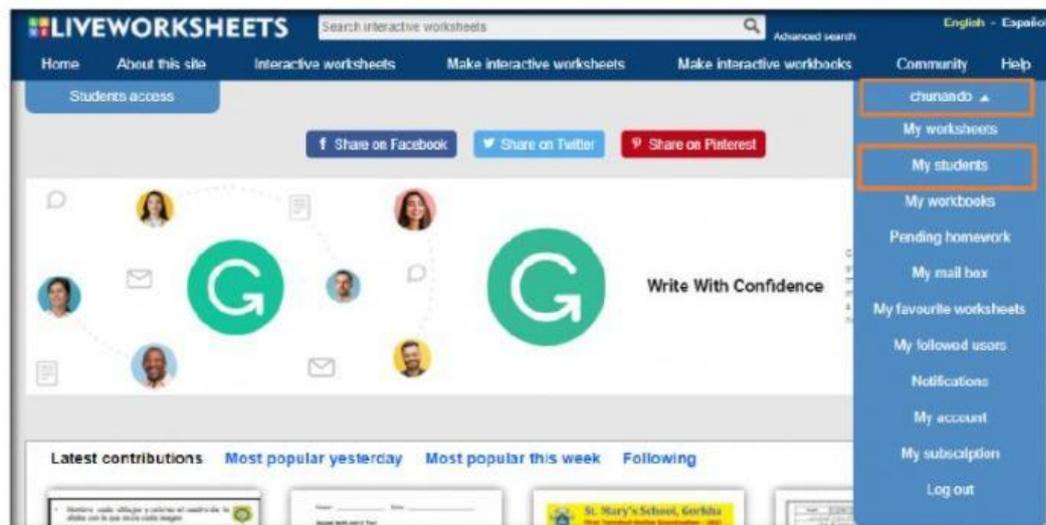
This is your custom link:

<https://www.liveworksheets.com/c?a=s&g=68s-To%3%A1n&t=urh77alk2x&mn=vz&sr=n&ms=uz&l=cm&i=d>

[Copy link](#)

4. Tạo danh sách lớp

- Chọn **Teacher access** (Tên tài khoản cá nhân của thầy cô), sau đó chọn **My student**



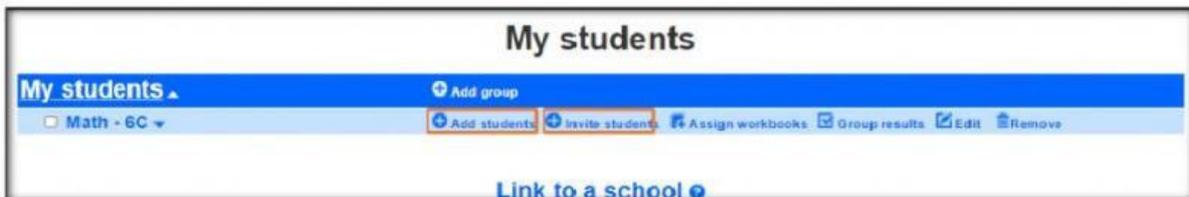
- Chọn **Add group**.



- Điền tên lớp cần tạo.



- Chọn **Add students** (nếu tạo tài khoản mới cho học sinh), hoặc **Invite students** (nếu học sinh đã có tài khoản chỉ cần mời theo mã lớp học thì học sinh có thể tham gia lớp – như vậy mỗi lớp chỉ cần tạo danh sách học sinh 1 lần cho tất cả các môn học)



* **Lưu ý:** Khi nhập tên học sinh nếu **Username** bị bôi đỏ tức là đã có tài khoản trùng tên tồn tại, cần bổ sung số hoặc chữ để không bị trùng nữa.

